BẢN ĐỒ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN MẠNG LƯỚI TỔ CHỨC KH & CN CÔNG LẬP

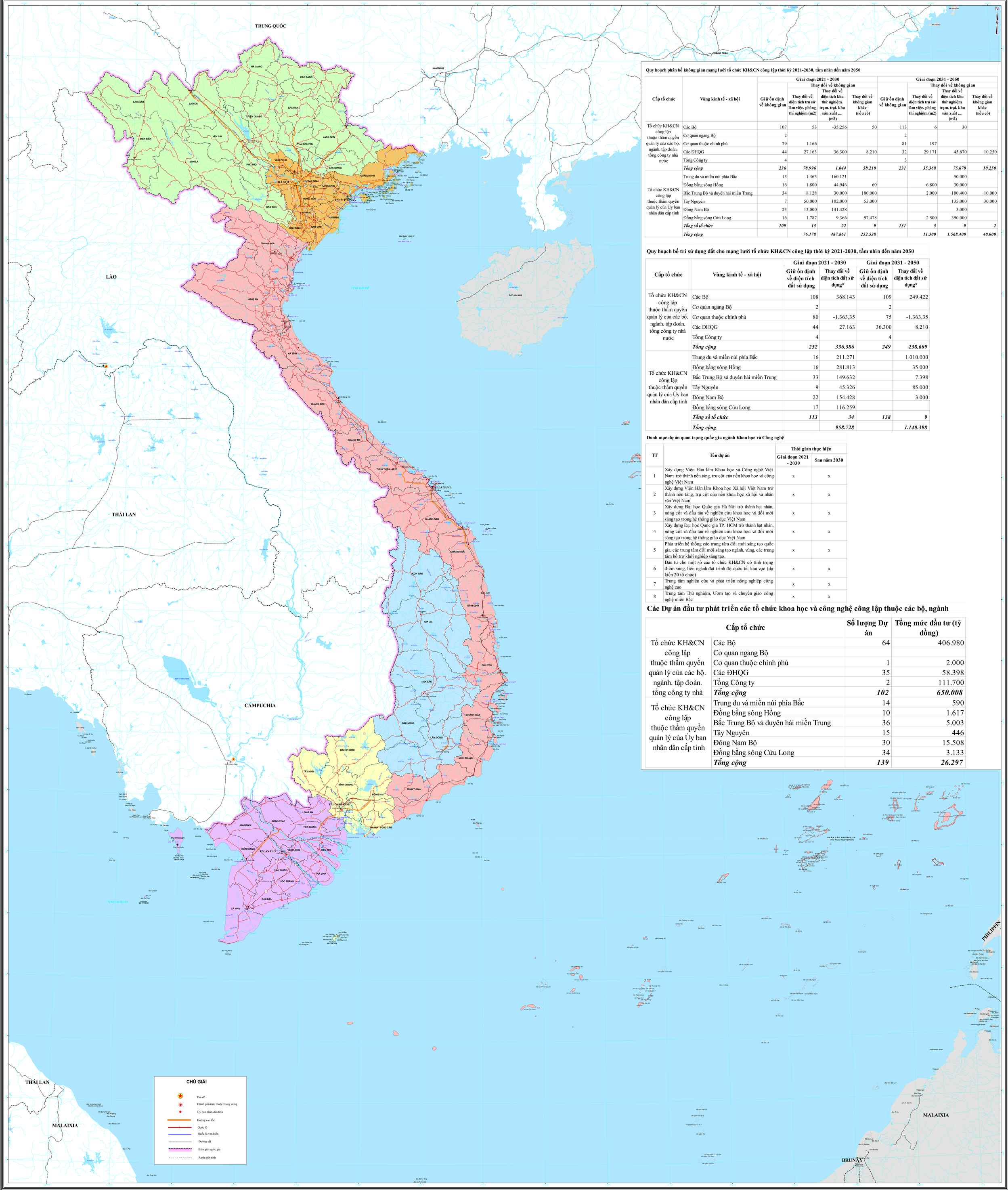

Quy hoạch phân bổ không gian mạng lưới tổ chức KH&CN công lập thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050

Cấp tổ chức	Vùng kinh tế - xã hội	Giai đoạn 2021 - 2030				Giai đoạn 2031 - 2050			
		Giữ ổn định về không gian	Thay đổi về không gian			Giữ ổn định về không gian	Thay đổi về không gian		
			Thay đổi về diện tích trụ sở làm việc, phòng thí nghiệm (m2)	Thay đổi về diện tích khu thử nghiệm. trạm. trại. khu sản xuất .... (m2)	Thay đổi về không gian khác (nếu có)		Thay đổi về diện tích trụ sở làm việc, phòng thí nghiệm (m2)	Thay đổi về diện tích khu thử nghiệm. trạm. trại. khu sản xuất .... (m2)	Thay đổi về không gian khác (nếu có)
Tổ chức KH&CN công lập thuộc thẩm quyền quản lý của các bộ. ngành. tập đoàn. tổng công ty nhà nước	Các Bộ	107	53	-35.256	50	113	6	30	
	Cơ quan ngang Bộ	2				2			
	Cơ quan thuộc chính phủ	79	1.166			81	197		
	Các ĐHQG	44	27.163	36.300	8.210	32	29.171	45.670	10.250
	Tổng Công ty	4				3			
	Tổng cộng	***236***	***78.996***	***1.044***	***58.210***	***231***	***35.368***	***75.670***	***10.250***
Tổ chức KH&CN công lập thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Trung du và miền núi phía Bắc	13	1.463	160.121				50.000	
	Đồng bằng sông Hồng	16	1.800	44.946	60		6.800	30.000	
	Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung	34	8.128	30.000	100.000		2.000	100.400	10.000
	Tây Nguyên	7	50.000	102.000	55.000			135.000	30.000
	Đông Nam Bộ	23	13.000	141.428				3.000	
	Đồng bằng sông Cửu Long	16	1.787	9.366	97.478		2.500	350.000	
	Tổng số tổ chức	***109***	***15***	***22***	***9***	***131***	***5***	***9***	***2***
	Tổng cộng		***76.178***	***487.861***	***252.538***		***11.300***	***1.568.400***	***40.000***

Quy hoạch bố trí sử dụng đất cho mạng lưới tổ chức KH&CN công lập thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050

Cấp tổ chức	Vùng kinh tế - xã hội	Giai đoạn 2021 - 2030		Giai đoạn 2031 - 2050	
		Giữ ổn định về diện tích đất sử dụng	Thay đổi về diện tích đất sử dụng*	Giữ ổn định về diện tích đất sử dụng	Thay đổi về diện tích đất sử dụng*
Tổ chức KH&CN công lập thuộc thẩm quyền quản lý của các bộ. ngành. tập đoàn. tổng công ty nhà nước	Các Bộ	108	368.143	109	249.422
	Cơ quan ngang Bộ	2		2	
	Cơ quan thuộc chính phủ	80	-1.363,35	75	-1.363,35
	Các ĐHQG	44	27.163	36.300	8.210
	Tổng Công ty	4		4	
	Tổng cộng	***252***	***356.586***	***249***	***258.609***
Tổ chức KH&CN công lập thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Trung du và miền núi phía Bắc	16	211.271		1.010.000
	Đồng bằng sông Hồng	16	281.813		35.000
	Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung	33	149.632		7.398
	Tây Nguyên	9	45.326		85.000
	Đông Nam Bộ	22	154.428		3.000
	Đồng bằng sông Cửu Long	17	116.259		
	Tổng số tổ chức	***113***	***34***	***138***	***9***
	Tổng cộng		***958.728***		***1.140.398***

Danh mục dự án quan trọng quốc gia ngành Khoa học và Công nghệ

TT	Tên dự án	Thời gian thực hiện	
		Giai đoạn 2021 - 2030	Sau năm 2030
1	Xây dựng Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam trở thành nền tảng, trụ cột của nền khoa học và công nghệ Việt Nam	x	x
2	Xây dựng Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam trở thành nền tảng, trụ cột của nền khoa học xã hội và nhân văn Việt Nam	x	x
3	Xây dựng Đại học Quốc gia Hà Nội trở thành hạt nhân, nòng cốt và đầu tàu về nghiên cứu khoa học và đổi mới sáng tạo trong hệ thống giáo dục Việt Nam	x	x
4	Xây dựng Đại học Quốc gia TP. HCM trở thành hạt nhân, nòng cốt và đầu tàu về nghiên cứu khoa học và đổi mới sáng tạo trong hệ thống giáo dục Việt Nam	x	x
5	Phát triển hệ thống các trung tâm đổi mới sáng tạo quốc gia, các trung tâm đổi mới sáng tạo ngành, vùng, các trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo.	x	x
6	Đầu tư cho một số các tổ chức KH&CN có tính trọng điểm vùng, liên ngành đạt trình độ quốc tế, khu vực (dự kiến 20 tổ chức)	x	x
7	Trung tâm nghiên cứu và phát triển nông nghiệp công nghệ cao	x	x
8	Trung tâm Thử nghiệm, Ươm tạo và chuyển giao công nghệ miền Bắc	x	x

Các Dự án đầu tư phát triển các tổ chức khoa học và công nghệ công lập thuộc các bộ, ngành

Cấp tổ chức		Số lượng Dự án	Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)
Tổ chức KH&CN công lập thuộc thẩm quyền quản lý của các bộ. ngành. tập đoàn. tổng công ty nhà	Các Bộ	64	406.980
	Cơ quan ngang Bộ		
	Cơ quan thuộc chính phủ	1	2.000
	Các ĐHQG	35	58.398
	Tổng Công ty	2	111.700
	Tổng cộng	***102***	***650.008***
Tổ chức KH&CN công lập thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Trung du và miền núi phía Bắc	14	590
	Đồng bằng sông Hồng	10	1.617
	Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung	36	5.003
	Tây Nguyên	15	446
	Đông Nam Bộ	30	15.508
	Đồng bằng sông Cửu Long	34	3.133
	Tổng cộng	***139***	***26.297***

Nguồn tài liệu: Biên tập từ cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia tỷ lệ 1:1.000.000 do Cục đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam cấp.

TỶ LỆ 1: 1.000.000

10 0 10Km

1 cm trên bản đồ ứng với 10 km ngoài thực địa